

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA H'LEO
TỈNH ĐẮK LẮK**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Bản án số: 15/2018/DS-ST

Ngày 25/6/2018.

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA H'LEO

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Long

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Tuyển

2. Bà Triệu Thị Danh

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Cường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo tham gia phiên tòa:
ông Nguyễn Công Thức - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2018, tại Phòng xử án - Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 247/2017/TLST-DS, ngày 04 tháng 12 năm 2017 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2018/QĐXX - DS, ngày 12 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trần Văn Q, sinh năm 1972 – bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1975 – (bà B có mặt, ông Q vắng mặt vì đã ủy quyền cho bà B tham gia tố tụng).

Cùng trú tại: Thôn B, xã Cư M, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

2. *Bị đơn:* Bà Phạm Thị M, sinh năm 1956 - có mặt.

Trú tại: Thôn N, xã Cư M, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 4 tháng 12 năm 2017 của nguyên đơn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bà Nguyễn Thị B trình bày:*

Vào ngày 25/5/2015 (âm lịch) nhằm ngày 10/7/2015 (dương lịch) bà Phạm Thị M có mượn của vợ chồng ông bà Q, B số tiền là 178.400.000đ, thời hạn trả nợ là ngày 14/11/2015 (âm lịch) tức ngày 24/12/2015 (dương lịch), việc vay tiền có viết giấy tay. Đến ngày 14/11/2015 (âm lịch) bà M đã trả cho bà B được 130.000.000đ và còn nợ lại là 48.400.000đ nhưng từ đó đến nay bà M không trả cho vợ chồng bà B. Do vậy, ông

Q, bà B khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị M phải trả số tiền còn lại là 48.400.000đ. Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

** Trong quá trình tham gia tố tụng, cũng như tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà Phạm Thị Miễn trình bày:*

Trước đây trong quá trình làm ăn, nhiều lần bà vay cả phê của vợ chồng Q, B với số lượng khoảng trên 8 tấn và bà đã trả nhiều lần đến tháng 10/2014 thì chỉ còn nợ lại 3,2 tấn cả phê nhân. Đến ngày 25/5/2015 (âm lịch) hai bên đã tính toán cả nợ lãi và nợ gốc đồng thời quy thành tiền là 178.400.000đ và viết thành giấy mượn với số tiền nói trên. Tháng 01/2016 bà M gọi bà B đến nhà để trả trước một phần nợ, tại đây lúc đầu bà M yêu cầu bà B bớt cho bà một phần nợ thì bà B nói bớt cho 8.000.000đ nhưng bà M không đồng ý và nói cho thêm 20.000.000đ nữa thì bà mới trả trước số tiền 130.000.000đ nếu không cho thì sẽ không trả, nên bà B đã đồng ý bớt cho 28.400.000đ, sau khi thống nhất thì bà M đã trả cho bà B 130.000.000đ và bà B có viết vào phía dưới tờ giấy vay nợ là “còn nợ lại 20.000.000đ” rồi đưa tờ giấy cho bà M giữ, tuy nhiên giấy này hiện nay bà M đã làm thất lạc, nên không có để cung cấp cho Tòa án. Nay bà M chỉ đồng ý trả cho bà B số tiền còn lại là 20.000.000đ.

Quá trình hòa giải và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị B thừa nhận số tiền trên xuất phát từ việc nhiều lần bà M vay cả phê và vay tiền của vợ chồng bà B, đến ngày 25/5/2015 thì hai bên đã tính toán lại với nhau số cả phê và số tiền còn nợ đồng thời thống nhất quy cả phê thành tiền, tổng số nợ tính đến thời điểm đó là 178.400.000đ. Sau khi thống nhất số nợ trên và viết thành giấy vay tiền mới thì các giấy tờ trước đó bà B đã hủy bỏ. Bà B cũng cho rằng khi bà M trả 130.000.000đ thì bà B có gạch chéo vào một tờ giấy vay và đưa cho bà M, việc gạch chéo vào tờ giấy vay này là nhằm mục đích để bà M trả trước 130.000.000 vì trước khi trả số tiền này thì bà M đã đưa ra điều kiện bắt bà B phải bớt cho 28.400.000đ nếu không thì sẽ không trả trước 130.000.000đ và bà B cũng không hề ghi bất cứ nội dung gì vào tờ giấy vay đưa cho bà M mà khi đó bà B chỉ nói cứ đưa đây rồi tính sau. Còn nội dung ghi trong sổ theo dõi nợ có chữ ký của bà M thì vẫn giữ nguyên.

Các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn giao nộp: 01 Giấy vay tiền ngày 25/5/2015 (âm lịch) bản gốc.

Các tài liệu chứng cứ do bị đơn cung cấp: bị đơn không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì.

** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo:*

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Tòa án thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đảm bảo đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự thủ tục và chức năng nhiệm vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do các bên đương sự cung cấp và quá trình xác minh thu thập của Tòa án. Kết quả tranh tụng, hỏi và tranh luận tại phiên tòa cho thấy việc bà Phạm Thị M có nợ của bà Nguyễn Thị B 178.400.000đ và bà M đã trả được 130.000.000đ là có thực. Tuy nhiên, khi bà M trả 130.000.000đ thì bà B có gạch chéo vào tờ giấy ghi nợ và đưa cho bà M việc này có nghĩa là bà B đã đồng ý xóa nợ cho bà M nên ý kiến của bà M là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà B, buộc bà M trả cho bà B số tiền còn lại là 20.000.000đ.

Về án phí: Buộc bà Phạm Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả hỏi và tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng*: Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Việc Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về nội dung*: Xét yêu cầu khởi kiện của ông bà Trần Văn Q, Nguyễn Thị B, Hội đồng xét xử xét thấy: thời gian trước năm 2014, bà Phạm Thị M nhiều lần vay cả phê và tiền của vợ chồng ông bà Q, B, đến ngày 25/5/2015 (âm lịch) nhằm ngày 10/7/2015 (dương lịch), hai bên đã tính toán lại số nợ và thống nhất quy thành tiền là 178.400.000đ, hai bên đã viết giấy vay và bà M đã ký xác nhận nợ. Đến tháng 01/2016 bà M đã trả cho vợ chồng ông bà Q, B được 130.000.000đ, số tiền còn nợ lại là 48.400.000đ điều này được chứng minh bằng Giấy mượn tiền lập ngày 25/5/2015 (âm lịch) và sự thừa nhận của bà Phạm Thị M. Nhưng bà M cho rằng trong 48.400.000đ còn nợ này thì bà B đã giảm cho bà 28.400.000đ và bà B đã viết vào phía dưới tờ giấy vay, nên hiện nay bà chỉ còn nợ 20.000.000đ. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay bà M không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho lời khai của mình và cũng không được phía nguyên đơn thừa nhận nên không có căn cứ để chấp nhận ý kiến của bà M. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của ông bà Q, B là có căn cứ. Giao dịch vay tài sản (tiền, cà phê) và sự thỏa thuận quy cả phê thành tiền nói trên giữa các bên đương sự không trái pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên hợp pháp và có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia giao dịch. Thời hạn trả nợ được xác định trong hợp đồng là ngày 14/11/15 (âm lịch) tức ngày 24/12/2015 (dương lịch), trong quá trình thực hiện hợp đồng không có thỏa thuận kéo dài thời hạn trả nợ nhưng đến nay bà Phạm Thị M chỉ mới trả được 130.000.000đ và vẫn còn nợ 48.400.000đ. Như vậy, bên vay đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của bên cho vay, nên yêu cầu khởi kiện này của ông bà Q, B

phù hợp với các Điều 471, 474 Bộ luật dân sự 2005, nên buộc bà Phạm Thị M phải trả cho vợ chồng ông bà Q, B số tiền nợ còn lại là 48.400.000đ. Về lãi suất, nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét.

[4]. Xét Ý kiến của Kiểm sát viên cho rằng khi nhận 130.000.000đ bà B đã gạch chéo vào tờ giấy vay tiền và đưa cho bà M việc này có nghĩa là đã đồng ý xóa nợ cho bà M. Hội đồng xét xử xét thấy quan điểm này là chưa đảm bảo căn cứ pháp luật, bởi lẽ nếu gạch chéo vào tờ giấy vay mà đồng nghĩa với việc xóa nợ thì sẽ xóa toàn bộ số nợ còn lại 48.400.000đ chứ không phải chỉ xóa 28.400.000đ và còn nợ lại 20.000.000đ như bà M trình bày. Mặt khác việc vay tài sản này được viết thành hai tờ giấy với nội dung giống nhau và đều được bà M ký nhận (tờ thứ nhất viết vào sổ theo dõi nợ, tờ thứ 2 viết bằng tờ giấy rời), khi bà M trả 130.000.000đ thì đã đưa ra điều kiện bắt bà B phải cho bớt cho số tiền 28.400.000đ nếu không thì sẽ không trả trước 130.000.000đ. Trong tình thế đó, để đảm bảo thu hồi trước một phần nợ thì bà B có gạch chéo vào 01 tờ giấy vay rồi đưa cho bà M đồng thời nói với bà M cứ đưa trước 130.000.000đ có gì tính sau, mục đích là để bà M trả trước số tiền nói trên, còn phần ghi trong sổ theo dõi nợ thì bà B vẫn để nguyên. Việc bà M cho rằng bà B đã đồng ý bớt cho bà 28.400.000đ và bà B đã ghi vào phía dưới tờ giấy vay “còn nợ lại 20.000.000đ” là không có căn cứ vì không được nguyên đơn thừa nhận và bà M cũng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho ý kiến của mình. Hơn nữa nếu giả thiết cho rằng bà B đã cho bớt bà M 28.400.000đ là có thật thì thỏa thuận này cũng không có giá trị pháp lý vì số tiền này là tài sản chung của vợ chồng ông bà Q, B trong khi không có mặt ông Q và không có sự đồng ý của ông Q và nếu bà B có đồng ý giảm bớt số nợ như bà M trình bày thì đây cũng là sự ép buộc, miễn cưỡng chứ không phải tự nguyện, vì khi trả trước 130.000.000đ, bà M đã đưa ra điều kiện buộc bà B giảm bớt 28.400.000đ thì mới trả trước số tiền này.

[5]. Về án phí: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, cần buộc bà Phạm Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận toàn bộ nên nguyên đơn ông Q, bà B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147; Điều 226 Bộ luật tố tụng dân sự. Các điều 471; Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Phạm Thị M phải trả cho ông bà Trần Văn Q, Nguyễn Thị B, số tiền nợ còn lại là 48.400.000 đồng (*bốn mươi tám triệu bốn trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Về án phí: Buộc bà Phạm Thị M phải chịu 2.420.000 đồng (*Hai triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho ông bà Trần Văn Q, Nguyễn Thị B số tiền 1.210.000 đồng (*Một triệu hai trăm mười nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ea H'Leo, theo biên lai số 0002185, ngày 22 tháng 11 năm 2017.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị B, bị đơn bà Phạm Thị M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Trần Văn Q có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện KSND huyện Ea H'Leo;
- Chi cục THADS huyện E;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu hồ sơ, vi tính.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Long